

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1296**/SYT-TCCB  
V/v tuyển sinh sau Đại học  
năm 2018

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Theo tinh thần Thông báo số 651/TB-ĐHH ngày 23/5/2018 của Đại học Y - Dược Huế về việc tuyển sinh cao học lần 2 năm 2018 và Thông báo số 2006/TB-TĐHYKPNT ngày 30/5/2018 của Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (đính kèm), Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến chỉ đạo như sau:

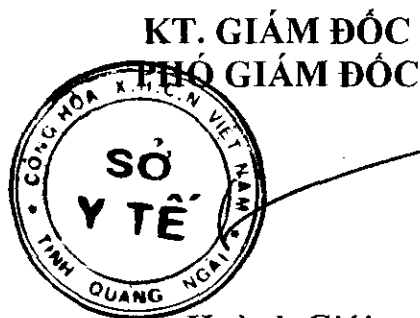
1. Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc phổ biến, triển khai các quy định về: Điều kiện, tiêu chuẩn, ngành tuyển sinh, hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm tổ chức, lệ phí tuyển sinh tại 02 Thông báo nêu trên đến công chức, viên chức trong đơn vị biết, đăng ký dự tuyển.

2. Lập danh sách công chức, viên chức tham gia dự tuyển gửi về Sở Y tế (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ), đồng gửi qua địa chỉ email: [phamngochuysyt@gmail.com](mailto:phamngochuysyt@gmail.com) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở Y tế.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (Hb).



Huỳnh Giới



## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh Cao học lần 2 năm 2018 của Đại học Huế

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ Ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế; Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học lần 2 năm 2018 (thi tuyển sinh vào tháng 9 năm 2018) như sau:

#### I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

##### A. TUYỂN SINH TẠI ĐẠI HỌC HUẾ (TP Huế):

Gồm 75 chuyên ngành vào các trường đại học thành viên và khoa trực thuộc:

##### 1. Trường Đại học Khoa học

- 1.1. Lý luận văn học (mã số: 8220120),
- 1.2. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121),
- 1.3. Ngôn ngữ học (mã số: 8229020),
- 1.4. Triết học (mã số: 8229001),
- 1.5. Lịch sử thế giới (mã số: 8229011),
- 1.6. Lịch sử Việt Nam (mã số: 8229013),
- 1.7. Dân tộc học (mã số: 8310310),
- 1.8. Động vật học (mã số: 8420103),
- 1.9. Sinh học thực nghiệm (mã số: 8420114),
- 1.10. Công nghệ sinh học (mã số: 8420201),
- 1.11. Vật lý chất rắn (mã số: 8440104),
- 1.12. Quang học (mã số: 8440110),
- 1.13. Hoá vô cơ (mã số: 8440113),
- 1.14. Hoá hữu cơ (mã số: 8440114),
- 1.15. Hoá phân tích (mã số: 8440118),
- 1.16. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 8440119),
- 1.17. Địa chất học (mã số: 8440201),
- 1.18. Kỹ thuật địa chất (mã số: 8520501),
- 1.19. Địa lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8440220),
- 1.20. Khoa học môi trường (mã số: 8440301),
- 1.21. Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (mã số: 8460106),
- 1.22. Kiến trúc (mã số: 8580101),
- 1.23. Toán ứng dụng (mã số: 8460112),
- 1.24. Khoa học máy tính (mã số: 8480101),
- 1.25. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101).

##### 2. Trường Đại học Nông Lâm

- 2.1. Kỹ thuật cơ khí (mã số: 8520103),
- 2.2. Công nghệ thực phẩm (mã số: 8540101),
- 2.3. Chăn nuôi (mã số: 8620105),
- 2.4. Khoa học cây trồng (mã số: 8620110),
- 2.5. Bảo vệ thực vật (mã số: 8620112),

nb

- 2.6. Phát triển nông thôn (mã số: 8620116),
- 2.7. Lâm học (mã số: 8620201),
- 2.8. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 8620301),
- 2.9. Thú y (mã số: 8640101),
- 2.10. Quản lý đất đai (mã số: 8850103).

### **3. Trường Đại học Ngoại ngữ**

- 3.1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (mã số: 8140111),
- 3.2. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu (mã số: 6022024).

### **4. Trường Đại học Kinh tế**

- 4.1. Kinh tế chính trị (mã số: 8310102),
- 4.2. Quản trị kinh doanh (mã số: 8340101),
- 4.3. Quản lý kinh tế (mã số: 8340410),
- 4.4. Kinh tế nông nghiệp (mã số: 8620115).

### **5. Trường Đại học Sư phạm**

- 5.1. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 8140101),
- 5.2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (mã số: 8140111),
- 5.3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111),
- 5.4. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111),
- 5.5. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111),
- 5.6. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học (mã số: 8140111),
- 5.7. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111),
- 5.8. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111)
- 5.9. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114),
- 5.10. Lý luận văn học (mã số: 8220120),
- 5.11. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121),
- 5.12. Văn học nước ngoài (mã số: 8220242),
- 5.13. Lịch sử thế giới (mã số: 8229011),
- 5.14. Lịch sử Việt Nam (mã số: 8229013),
- 5.15. Tâm lý học (mã số: 8310401),
- 5.16. Địa lý học (mã số: 8310501),
- 5.17. Động vật học (mã số: 8420103),
- 5.18. Thực vật học (mã số: 8420111),
- 5.19. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 8440103),
- 5.20. Hoá vô cơ (mã số: 8440113),
- 5.21. Hoá hữu cơ (mã số: 8440114),
- 5.22. Hoá phân tích (mã số: 8440118),
- 5.23. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 8440119),
- 5.24. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217),
- 5.25. Toán giải tích (mã số: 8460102),
- 5.26. Đại số và lý thuyết số (mã số: 8460104),
- 5.27. Hình học và tô pô (mã số: 8460105).

### **6. Trường Đại học Y Dược**

- 6.1. Khoa học y sinh (mã số: 8720101),
- 6.2. Ngoại khoa (mã số: 8720104),
- 6.3. Sản phụ khoa (mã số: 8720105),
- 6.4. Nhi khoa (mã số: 8720106),
- 6.5. Nội khoa (mã số: 8720107),

nb

- 6.6. Tai Mũi Họng (mã số: 8720155),
- 6.7. Điện quang và y học hạt nhân (mã số: 8720111),
- 6.8. Y tế công cộng (mã số: 8720701),
- 6.9. Răng - Hàm - Mặt (mã số: 8720501),
- 6.10. Y học cổ truyền (mã số: 8720113).
- 6.11. Quản lý bệnh viện (mã số: 8720802).

**7. Trường Đại học Luật**

- 7.1. Luật kinh tế (mã số: 8380107).

**8. Khoa Du lịch**

- 8.1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103).

**B. TUYỂN SINH TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG:**

Thí sinh dự thi một số chuyên ngành có thể chọn địa điểm dự thi tại các địa phương, cụ thể như sau:

**1. Các chuyên ngành thuộc Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế**

**1.1. Tuyển sinh tại Trường Đại học Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai), gồm các chuyên ngành:**

- 1. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 8440103),
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111),
- 3. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217),
- 4. Động vật học (mã số: 8420103),
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt (mã số: 8440111),
- 6. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8440111).
- 7. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8440111).

**1.2. Tuyển sinh tại Trường Đại học Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), gồm các chuyên ngành:**

- 1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111),
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111),
- 3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 8140111),
- 4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111),
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111),
- 6. Địa lý tự nhiên (mã số: 8440217),
- 7. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121),
- 8. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114).

**1.3. Tuyển sinh tại Trường Đại học Cửu Long (tỉnh Vĩnh Long), gồm các chuyên ngành:**

- 1. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114),
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111),
- 3. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 8140101),
- 4. Lịch sử thế giới (mã số: 8220311).

**1.4. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang), gồm các chuyên ngành:**

- 1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 8140111),
- 2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 8140111),
- 3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 8140111),
- 4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 8140111),
- 5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 8140111),
- 6. Văn học Việt Nam (mã số: 8220121).

**1.5. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, chuyên ngành:**

- 1. Quản lý giáo dục (mã số: 8140114).

**2. Các chuyên ngành thuộc Trường Đại học Khoa học**

**2.1. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang), gồm các chuyên ngành:**

*mb*

1. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101),
2. Khoa học máy tính (mã số: 8480101),
3. Ngôn ngữ học (mã số: 8229020).

**2.2. Tuyển sinh tại Trường CĐSP Gia Lai (tỉnh Gia Lai), gồm các chuyên ngành:**

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101),
2. Hóa phân tích (mã số: 8440118),
3. Sinh học thực nghiệm (mã số: 8420114),
4. Lịch sử Việt Nam (mã số: 8229013),
5. Vật lý chất rắn (mã số: 8440104),
6. Ngôn ngữ học (mã số: 8229020).

**2.3. Tuyển sinh tại Phân viện Học viện HCQG khu vực Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk), gồm các chuyên ngành:**

1. Khoa học máy tính (mã số: 8480101),
2. Dân tộc học (mã số: 8310310),
3. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 8850101),
4. Triết học (mã số: 8229001).

**2.4. Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại tỉnh Quảng Trị, chuyên ngành:**

1. Khoa học môi trường (mã số: 8440301).

**3. Các chuyên ngành thuộc Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế**

**Tuyển sinh tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, gồm các chuyên ngành:**

1. Lâm học (mã số: 8620201),
2. Phát triển nông thôn (mã số: 8620116).

**4. Các chuyên ngành thuộc Khoa Du lịch - Đại học Huế**

**4.1. Tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (tỉnh An Giang), chuyên ngành:**

1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103).

**4.2. Tuyển sinh tại Trường Đại học Cần Thơ (thành phố Cần Thơ), chuyên ngành:**

1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 8810103).

**Lưu ý:**

+ Nếu số lượng hồ sơ đăng ký dự thi vào một trong những chuyên ngành nêu trên không đảm bảo yêu cầu về số lượng, Đại học Huế sẽ không tổ chức thi tuyển sinh cho chuyên ngành đó và thông báo đến thí sinh chậm nhất 20 trước ngày tổ chức thi ghi trên thông báo tuyển sinh. Trong trường hợp này, thí sinh có thể đăng ký chuyển sang dự thi một chuyên ngành tương đương khác hoặc bảo lưu hồ sơ để thi vào các đợt tiếp theo.

+ Nếu số lượng thí sinh đăng ký dự thi tại một điểm thi ngoài Huế thấp hơn 30 thí sinh, Đại học Huế sẽ chuyển thí sinh đến dự thi tại một điểm thi khác hoặc tại Huế.

**II. CHƯƠNG TRÌNH, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:**

1. Chương trình đào tạo: Theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng
2. Thời gian đào tạo: Từ 1,5 năm đến 2 năm tùy theo chương trình đào tạo của từng chuyên ngành.
3. Hình thức đào tạo: Khoá học được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian.

**III. ĐIỀU KIỆN DỰ THI:**

1. Về văn bằng: Thí sinh dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học cấp. Đối với văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây (trừ các chuyên ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):

- a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi;

b) Đã tốt nghiệp đại học các ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi. Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

c) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức để được công nhận là tương đương với chuyên ngành đúng hoặc phù hợp theo quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

**2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn (trừ các chuyên ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):**

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp (*tốt nghiệp loại khá trở lên đối với người dự thi vào chuyên ngành Kiến trúc*) với chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Những thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi (*hoặc tốt nghiệp ngành đúng, loại trung bình đối với người dự thi vào chuyên ngành Kiến trúc*) phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

c) Những thí sinh thuộc ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi (gồm các chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Phát triển nông thôn; Địa chất học; Địa lý tài nguyên và môi trường**) phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên và trực thuộc.

**6. Điều kiện riêng về văn bằng, kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi cao học của các chuyên ngành:**

**6.1. Quản lý giáo dục:**

6.1.1. Văn bằng: Người dự thi nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

6.1.2. Kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giảng dạy hoặc quản lý giáo dục tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

6.1.3. Đối tượng dự thi: Người dự thi phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường cao đẳng và đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo - Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

b) Tổ trưởng tổ chuyên môn các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp.

c) Người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục: Phải có xác nhận là người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục của Nhà trường nơi đang công tác (*đối với người đang công tác ở các Đại học, trường Đại học, Viện nghiên cứu*) hoặc của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (*đối với người đang công tác ở các trường từ mầm non đến cao đẳng*).

## 6.2. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học):

Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục Tiểu học.

## 6.3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu:

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ: Chính quy, Văn bằng 2 hoặc Vừa học vừa làm ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành Ngôn ngữ/Tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia (Ý), Á Rập;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc chuyên tu ngành Sư phạm Tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học Tiếng Anh hệ Liên thông;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành: Ngôn ngữ Trung/Tiếng Trung, Việt Nam học (*chuyên ngành Ngôn ngữ - Văn hóa và du lịch*), Ngôn ngữ học (*Ngành Việt ngữ và đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 là một ngoại ngữ*), Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Trung, Sư phạm Tiếng Nhật, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Quốc tế học.

## 6.4. Điện quang và y học hạt nhân:

Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hệ chính quy.

## 6.5. Khoa học y sinh:

Người dự thi phải thoả mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa hệ chính quy.

b) Có bằng tốt nghiệp cử nhân hệ chính quy loại khá trở lên các ngành: Kỹ thuật Y học (*chuyên ngành Xét nghiệm*) từ năm 2014 trở về trước, hoặc ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học sau năm 2014 và phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

## 6.6. Răng - Hàm - Mặt:

Người dự thi phải thoả mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp bác sĩ Răng - Hàm - Mặt hệ chính quy (6 năm) loại khá trở lên: được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp, không tính thâm niên công tác.

b) Tốt nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt hệ chính quy (6 năm) loại trung bình: được tham gia dự thi sau 01 năm công tác trong chuyên ngành đào tạo tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

c) Tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hệ chính quy (6 năm): cần có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Răng Hàm Mặt hoặc bằng chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Răng Hàm Mặt theo đúng quy định của Bộ Y tế.

d) Tốt nghiệp cử nhân Răng Hàm Mặt ở nước ngoài: cần có ít nhất 12 tháng thực hành tại một bệnh viện hoặc trường Đại học theo quy định của Bộ Y tế hoặc có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

## 6.7. Y học cổ truyền:

Người dự thi nếu tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa phải thoả mãn thêm một trong các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền.

b) Có bằng Chuyên khoa cấp I hoặc Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Y học cổ truyền.

c) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Y học cổ truyền.

## 6.8. Luật kinh tế:



Người dự thi nếu tốt nghiệp đại học hệ đào tạo từ xa phải có điểm tốt nghiệp trung bình chung 6,0 trở lên.

#### IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH:

##### 1. Đối tượng:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

##### 2. Chính sách:

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (*thang điểm 10*) vào kết quả thi môn Cơ sở ngành và mười điểm (*thang điểm 100*) vào kết quả thi môn Ngoại ngữ (nếu không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ);

b) Trường hợp người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên thì chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

#### V. CÁC MÔN DỰ THI:

##### 1. Các môn thi tuyển: Môn Cơ sở ngành, môn Chủ chốt và môn Ngoại ngữ.

a. Môn Cơ sở ngành: Kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

b. Môn Chủ chốt: Là môn chủ chốt của chuyên ngành đào tạo được xác định theo yêu cầu của chuyên ngành.

c. Môn Ngoại ngữ: Thí sinh chọn một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật.

Riêng thí sinh tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ dự thi các chuyên ngành: *Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu* phải thi một môn ngoại ngữ thứ hai không trùng với ngoại ngữ ghi trên bằng đại học chính.

##### 2. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

*Thí sinh có năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Ngoại ngữ:*

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các thứ tiếng trên.

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trong thông báo tuyển sinh, được cấp bởi một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong 10 trung tâm đào tạo ngoại ngữ đã được Bộ Giáo

dục Đào tạo công nhận, bao gồm: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Đại học Thái Nguyên (*Tiếng Anh*); Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh; Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Vinh và Trung tâm ngoại ngữ SEAMEO RETRAC.

#### VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:

1. Đơn xin dự thi theo mẫu của cơ sở giáo dục đại học, trong đó cần ghi rõ chuyên ngành, đối tượng dự thi (cán bộ công chức, doanh nhân, thí sinh tự do....), nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện quy chế sau khi trúng tuyển.

2. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp.

3. Sơ yếu lý lịch được cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.

5. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập của một bệnh viện đa khoa.

6. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian kinh nghiệm công tác chuyên môn.

7. Văn bằng hoặc chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có); các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp: cơ quan trực thuộc Bộ, Sở, UBND huyện hoặc tương đương. Các giấy tờ này chỉ được bổ sung trước khi Hội đồng tuyển sinh sau đại học duyệt danh sách dự thi chính thức.

8. Giấy xác nhận là cán bộ tạo nguồn quản lý giáo dục đối với đối tượng dự thi thuộc phần c, khoản 6.1.3, tiểu mục 6.1 của mục 6 nêu trên.

9. Các giấy tờ hồ sơ khác theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và 4 ảnh (cỡ 3x4).

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm) có đề rõ họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở ngoài.

#### VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày 17/8/2018.

2. Lịch thi: - Buổi chiều ngày 22/9/2018: thi môn Cơ sở ngành  
- Buổi sáng ngày 23/9/2018: thi môn Chủ chốt  
- Buổi chiều ngày 23/9/2018: thi môn Ngoại ngữ

3. Địa điểm phát hành và thu nhận hồ sơ dự thi:

Thí sinh dự thi liên hệ và gửi hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký dự thi theo địa chỉ:

3.1. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Khoa học; 77 Nguyễn Huệ, Tp Huế; ĐT: 0234.3837380.

3.2. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Kinh tế; 99 Hồ Đắc Di, Tp Huế; ĐT: 0234.3993888.

3.3. Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Tp Huế; ĐT: 0234.3830678.

3.4. Phòng Đào tạo Trường Đại học Nông Lâm; 102 Phùng Hưng, Tp Huế; ĐT: 0234.3537757.

3.5. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Sư phạm; 32 Lê Lợi, Tp Huế; ĐT: 0234.3824234, 0234.3837306.

3.6. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Y Dược; 06 Ngô Quyền, Tp Huế; ĐT: 0234.3822653-1072.

*mb*

3.7. Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường - Hợp tác Quốc tế Trường Đại học Luật; Khu Quy hoạch Trường Bia, Phường An Tây, Tp Huế; ĐT: 0234.3935665.

3.8. Tổ Khoa học – Hợp tác quốc tế, Khoa Du lịch, Đại học Huế; 22 Lâm Hoàng - Phường Võ Dạ - Tp Huế; ĐT: 0234.3933411.

#### VIII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH:

##### Lệ phí dự thi bao gồm:

1. Đăng ký dự thi: 100.000đ /hồ sơ, nộp tại Phòng Đào tạo Sau Đại học của trường (hoặc khoa) thí sinh đăng ký dự thi.

2. Dự thi: 1.000.000đ/thí sinh (Một triệu đồng), nộp theo một trong hai cách:

2. 1. Nộp tại Phòng Đào tạo Sau Đại học của trường (hoặc khoa) đăng ký dự thi khi nộp hồ sơ.

2. 2. Chuyển tiền qua tài khoản của Đại học Huế, số tài khoản: 177010000003814, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Huế.

Người dự thi khi chuyển khoản phải ghi rõ các thông tin: Họ và tên, chuyên ngành đăng ký dự thi, Trường hoặc Khoa trực thuộc nơi thí sinh đăng ký dự thi.

Mọi chi tiết xin liên hệ với các địa chỉ nêu trên hoặc Ban Đào tạo - Đại học Huế,

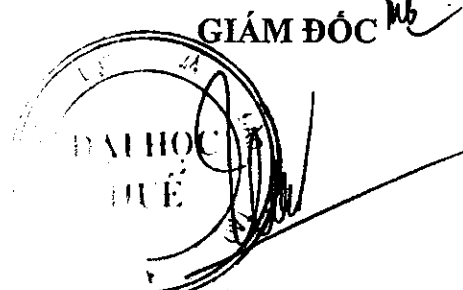
Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi (tầng 3) - TP Huế; ĐT: 0234.3833578; Fax: 0234.3825902;

Website: <http://hueuni.edu.vn/sdh>.

##### Nơi nhận:

- Các Phó Giám đốc (để chỉ đạo);
- Trường ĐH Đồng Nai;
- Trường ĐH Cửu Long;
- Trường ĐH Buon Ma Thuột;
- Trường ĐH An Giang;
- Trường ĐH Cần Thơ;
- Trường CĐSP Gia Lai;
- Phân viện khu vực TN-HVHCQG;
- Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị (để thực hiện);
- Các Trường, Khoa có ĐT SDH (để thực hiện);
- Các Ban: CSVC, KHTC, TTPC, KTĐBCLGD (để thực hiện);
- Lưu: VT. ĐT.

để  
phối  
hợp

GIÁM ĐỐC *Nb*  
  
Nguyễn Quang Linh



Số: 2006 /TB-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2018

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch thông báo kế hoạch tổ chức thi tuyển sinh Sau đại học Chuyên khoa cấp I (CKI), Chuyên khoa cấp II (CKII), Bác sĩ Nội trú (NT), đào tạo trình độ thạc sĩ (Cao Học: CH), trình độ tiến sĩ (Nghiên cứu sinh: NCS) năm 2018, gồm các chuyên ngành sau:

STT	CHUYÊN NGÀNH	CKI	CKII	NT	CH	NCS
1	Chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	x	
2	Chấn thương chỉnh hình	x	x			
3	Da liễu	x	x	x		
4	Điều dưỡng	x				
5	Gây mê hồi sức	x				
6	Hồi sức cấp cứu – chống độc	x				
7	Nhân khoa	x	x	x	x	
8	Nhi khoa	x	x	x	x	x
9	Nội tổng quát	x	x	x	x	
10	Nội tim mạch		x			
11	Ngoại tổng quát	x	x	x	x	x
12	Phẫu thuật tạo hình	x	x			
13	Quản lý Y tế		x			
14	Sản phụ khoa	x	x	x		
15	Tai – Mũi – Họng	x	x	x	x	x
16	Thần kinh	x	x			
17	Tâm thần	x				
18	Truyền máu – Huyết học	x	x			
19	Truyền nhiễm	x	x	x		
20	Ung bướu	x	x	x		
21	Xét nghiệm Y học	x				
22	Y học Gia đình	x				
23	Y tế công cộng	x				

# TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA I - CHUYÊN KHOA II - BÁC SỸ NỘI TRÚ - THẠC SỸ Y HỌC

## I. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ CÁC MÔN THI CHO TỪNG CẤP:

### 1. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP I:

#### 1.1 Điều kiện dự thi:

- Bác sỹ đa khoa đang công tác tại các cơ sở y tế. Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học. Riêng đối với những bác sỹ làm việc liên tục từ trước ngày 1/1/2012 cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc và phải nộp đầy đủ các minh chứng (Chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi, Hợp đồng lao động hoặc Quyết định điều động, Quyết định tiếp nhận, Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội liên tục từ trước ngày 1/1/2012 đến ngày đăng ký dự thi tại cơ quan đang công tác).

- Cử nhân Điều Dưỡng, cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh thuộc hệ chính quy hoặc liên thông (*đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I Điều Dưỡng*).

- Cử nhân Xét nghiệm, Cử nhân Sinh học, Cử nhân Hóa học, Dược sỹ đại học, Bác sỹ đa khoa thuộc hệ chính quy hoặc liên thông (*đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I Xét nghiệm*) đã có chứng chỉ hành nghề về xét nghiệm.

- **Thâm niên chuyên môn để dự thi CK I:** đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề (*theo quy định tại Luật Khám chữa bệnh*): **thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề.**

- Đối với các thí sinh dự thi chuyên ngành Tai – Mũi – Họng, Nhãn khoa, Phẫu thuật tạo hình, phải có chứng chỉ Định hướng chuyên khoa do các trường được Bộ Y Tế cho phép đào tạo.

- Có đủ sức khỏe, lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2 Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung.

1.3 Các môn thi tuyển: môn cơ sở và môn chuyên ngành.

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
2	Chẩn thương chính hình	Giải phẫu	Chẩn thương chính hình
3	Nhãn khoa	Giải phẫu	Nhãn khoa
4	Ngoại tổng quát	Giải phẫu	Ngoại tổng quát
5	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản khoa
6	Tai – Mũi – Họng	Giải phẫu	Tai – Mũi – Họng
7	Phẫu thuật tạo hình	Giải phẫu	Phẫu thuật tạo hình
8	Ung bướu	Giải phẫu	Ung bướu
9	Da liễu	Sinh lý	Da liễu
10	Điều dưỡng	Sinh lý	Điều dưỡng
11	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
12	Hồi sức cấp cứu – chống độc	Sinh lý	Hồi sức cấp cứu – chống độc

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
13	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
14	Nội tổng quát	Sinh lý	Nội tổng quát
15	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần
16	Thần kinh	Sinh lý	Thần kinh
17	Truyền máu – Huyết học	Sinh lý	Huyết học
18	Truyền nhiễm	Sinh lý	Nhiễm
19	Xét nghiệm Y học	Sinh lý	Xét nghiệm
20	Y tế công cộng	Tổ chức quản lý y tế	Y tế công cộng
21	Y học Gia đình	Tổ chức quản lý y tế	Đa khoa lâm sàng (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)

## 2. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP II:

### 2.1 Điều kiện dự thi:

- Bác sỹ đã tốt nghiệp chuyên khoa cấp I (chuyên ngành tương ứng) hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi dự thi.
- Thạc sỹ y học chuyên ngành tương ứng có thâm niên chuyên môn từ 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sỹ tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi (tháng 07/2018); hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi thi.
- Đối với Chuyên khoa II Quản lý Y tế: đối tượng tuyển sinh là bác sỹ chuyên khoa I Y tế công cộng, bác sỹ chuyên khoa I và Thạc sỹ Y học (có thâm niên 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sỹ tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi ) các chuyên ngành khác nhưng phải học bổ sung 3 tháng về Y tế công cộng nếu trúng tuyển.

- Có đủ sức khỏe, lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### 2.2 Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung.

### 2.3 Các môn thi tuyển:

- Ngoại ngữ: Anh văn hoặc Pháp văn trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt nam; nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.
- Môn chuyên ngành: theo chuyên ngành đã đăng ký dự thi.

### \* Thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ phải thỏa một trong các điều kiện sau:

- Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (KV1).
- Công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh.
  - + Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2018.
  - + Các đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt môn ngoại ngữ (tương đương trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có phần chuyên ngành) trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.
- Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (xem Phụ lục 1, Phụ lục 2 và phần Các trường hợp được miễn thi tuyển môn Ngoại ngữ)

### 3. TUYỂN SINH BÁC SỸ NỘI TRÚ

#### 3.1 Điều kiện dự thi:

- Bác sỹ đa khoa hệ chính quy, tốt nghiệp năm 2018 và đạt loại **KHÁ** trở lên (*chỉ tính điểm thi tốt nghiệp đạt lần 1*), có đủ sức khỏe.

- Trong 6 năm học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (*trừ lý do sức khỏe*).

- Thí sinh tốt nghiệp đạt loại **xuất sắc**, nếu có đủ điều kiện qui định được xét miễn thi tuyển.

#### 3.2 Hình thức đào tạo: 3 năm tập trung.

#### 3.3 Các môn thi tuyển:

##### ➤ Các môn thi chung: 03 môn

- Môn thi 1: Toán xác suất thống kê.

- Môn thi 2: Ngoại ngữ (*Anh văn hoặc Pháp văn*).

- Môn thi 3: **bốc thăm 1 trong 4 môn gồm Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền** (*do đại diện thí sinh bốc thăm ngay trước giờ thi*).

Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt nam được miễn thi Ngoại ngữ (xem Phụ lục 1, Phụ lục 2 và phần Các trường hợp được miễn thi tuyển môn Ngoại ngữ)

##### ➤ Môn chuyên ngành: 02 môn (Môn thi 4 và môn thi 5)

• Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Ngoại:

môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*

• Thí sinh đăng ký các chuyên ngành hệ Nội:

môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*

#### 3.4 Điều kiện xét tuyển và xét trúng tuyển

##### ➤ Điều kiện xét tuyển: (*tính theo thang điểm 10*)

- Môn thi 4 phải đạt  $\geq 7,0$  điểm, riêng thí sinh dự thi chuyên ngành Nhi khoa thì môn Nhi  $\geq 7,0$  điểm, thí sinh dự thi chuyên ngành Sản phụ khoa thì môn Sản phụ khoa  $\geq 7,0$  điểm.

- Các môn thi còn lại phải đạt  $\geq 5,0$  điểm.

##### ➤ Xét trúng tuyển:

- Tính tổng điểm các môn thi (*không tính môn thi 2*), lấy điểm từ cao xuống theo chỉ tiêu của từng chuyên ngành.

- Trường hợp thí sinh cùng chuyên ngành, có tổng điểm bằng nhau sẽ xét điểm môn thi 2 (*môn thi Ngoại ngữ*), ưu tiên thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ.



#### 4. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ:

##### 4.1 Điều kiện dự thi:

- Có bằng Bác sỹ đa khoa tốt nghiệp năm 2018 trở về trước có ngành học đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi.
- Có đủ sức khỏe, lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- *Đối với các thí sinh dự thi chuyên ngành **Chẩn đoán hình ảnh** phải có bằng **Bác sỹ đa khoa hệ chính quy và Chứng chỉ Định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.***

##### 4.2 Hình thức đào tạo: 2 năm tập trung

##### 4.3 Các môn thi tuyển:

- **Môn Chuyên ngành**
- **Môn cơ sở:** Sinh lý (Chuyên ngành: *Nội, Nhi*)  
Giải phẫu (Chuyên ngành: *Mắt, Ngoại, Tai – Mũi – Họng, Chẩn Đoán Hình Ảnh*)
- **Môn Ngoại ngữ:** Anh văn hoặc Pháp văn có phần chuyên ngành (*thang điểm 100 và đạt từ 50 điểm trở lên*); nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.

#### II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN THI TUYỂN MÔN NGOẠI NGỮ:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định hiện hành;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- + Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi được cấp bởi một số cơ sở đào tạo theo quy định (**Phụ lục 1 và 2**).

#### III. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN: những đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh (*chỉ áp dụng cho các thí sinh đăng ký dự thi CK I, CK II và Cao Học*).

##### 1. **Đối tượng ưu tiên:**

- Người hiện đang công tác liên tục từ **2 năm trở lên** (*tính đến ngày hết hạn hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được qui định là **khu vực 1** trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh **phải có** Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội liên tục trên 2 năm đến ngày đăng ký dự thi tại cơ quan đang công tác;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng Lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được qui định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh Đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

## 2. Mức ưu tiên:

- Chuyên khoa I: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm **một điểm** (1đ) vào kết quả thi cho **môn Cơ sở** (thang điểm 10);
- Chuyên khoa II: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng **mười điểm** (10đ) vào kết quả thi cho **môn Ngoại ngữ** (thang điểm 100).
- Cao học: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng **mười điểm** (10đ) vào kết quả thi cho **môn Ngoại ngữ** (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo qui định và cộng **một điểm** (1đ) vào kết quả thi cho **môn cơ sở** (thang điểm 10)

### GHI CHÚ:

- + Các thí sinh thuộc diện trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).
- + Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.
- + Khu vực ưu tiên căn cứ phân chia khu vực tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2018

## IV. HỒ SƠ DỰ THI:

1. **04 tấm ảnh màu 3x4 (ảnh chụp không quá 6 tháng)** và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, cấp đào tạo, chuyên ngành dự thi sau mỗi tấm ảnh.
2. Phiếu nộp hồ sơ dự thi (theo mẫu).
3. Đơn xin dự thi (theo mẫu).
4. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển của cơ quan chủ quản (theo mẫu)
5. Công văn cử đi dự thi của cơ quan trực tiếp quản lý (ghi rõ cấp đào tạo, chuyên ngành đăng ký dự thi).
6. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương (theo mẫu).
7. Giấy chứng nhận sức khỏe (của bệnh viện đa khoa hoặc phòng khám đa khoa)
8. Bản sao giấy khai sinh (\*).
9. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học:
  - Bản sao bằng tốt nghiệp Bác sỹ (\*).
  - Bản sao bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng hoặc cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh (\*) *đối với thí sinh đăng ký dự thi Chuyên khoa I Điều Dưỡng.*
  - Bản sao bằng tốt nghiệp Cử nhân Xét nghiệm, Cử nhân Sinh học, Cử nhân Hóa học, Dược sĩ đại học, Bác sỹ đa khoa (\*) *đối với thí sinh đăng ký dự thi Chuyên khoa I Xét nghiệm.*
10. Bản sao văn bằng tốt nghiệp Y sỹ và bằng điểm kết quả học tập lớp Y sỹ *đối với thí sinh tốt nghiệp Bác sỹ hệ liên thông* (\*).
11. Bản sao Chứng chỉ hành nghề *đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I* (\*).
12. Bản sao bằng tốt nghiệp Chuyên khoa I hoặc bằng tốt nghiệp Thạc sỹ kèm bằng điểm *đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II* (\*).

13. Bản sao định hướng chuyên khoa *đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I chuyên ngành: Tai – Mũi – Họng, Nhân khoa, Phẫu thuật tạo hình và cao học Chẩn đoán hình ảnh* (\*).
14. Đơn xin miễn thi ngoại ngữ (theo mẫu phát khi nộp hồ sơ, kèm các minh chứng - Bản sao chứng chỉ miễn thi Ngoại ngữ theo qui định) (\* (nếu có).
15. Đối với thí sinh dự thi **Bác sỹ Nội trú** cần thêm Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo phải có đủ 3 nội dung sau:
  - Xếp loại tốt nghiệp đại học (nếu thí sinh chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học, phải nộp kèm giấy chứng nhận tốt nghiệp; chỉ tính điểm lần 1)
  - Xác nhận không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình học đại học.
  - Xác nhận không dừng học tập trong suốt quá trình học đại học (trừ lý do sức khỏe)
16. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền và các giấy tờ liên quan (nếu có) (theo mẫu).
17. Bản photocopy biên lai đóng tiền các khoản thu liên quan thi tuyển.

### **LƯU Ý:**

**(\*) Tất cả các bản sao văn bằng, chứng chỉ phải có công chứng.**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học của nước ngoài cấp phải có giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
2. Hồ sơ được nhận khi **đầy đủ và xếp theo đúng thứ tự ở trên.**  
 + Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không được dự thi, bỏ thi hoặc thi không đạt.  
 + Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
3. Không nhận hồ sơ vào các ngày **06/6, 07/6 và 08/6/2018.**
4. Các thí sinh dự thi thuộc diện hưởng ngân sách của TP.HCM sau khi trúng tuyển **phải có công văn cử đi học của Sở Y Tế TP. HCM hoặc Ủy ban nhân dân Quận/Huyện tại TP.HCM.**

### **V. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ:**

- Thời gian nhận hồ sơ và lệ phí thi tuyển: từ ngày có thông báo đến hết ngày 06/7/2018.
- Thời gian nhận giấy báo dự thi: từ ngày 07/8/2017 đến 09/8/2017.
- Địa điểm phát hành hồ sơ: Phòng Tài chính – Kế toán (tầng trệt - Khu A1) bắt đầu từ ngày 04/6/2018.
- Địa điểm nộp hồ sơ, nhận giấy báo dự thi:

**Phòng Sau Đại Học (lầu 2 khu A1)**  
 Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, số 86/2 Thành Thái Q.10.

### **VI. ÔN THI VÀ THI TUYỂN:**

- Đăng ký, nộp lệ phí ôn thi tại Phòng Tài chính Kế toán trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch từ ngày 04/6/2018.
- Thời gian bắt đầu ôn thi dự kiến: 18/6/2018 (xem lịch ôn tập cụ thể và tài liệu ôn thi tại phòng Sau đại học trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch).

- Các khoản thu nhận, duyệt, kiểm tra hồ sơ dự thi: 120.000đ / 01 hồ sơ.
- Lệ phí ôn thi:
  - + 400.000đ / 01 môn đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I.
  - + 500.000đ / 01 môn đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II.
  - + 600.000đ / 01 môn đối với thí sinh dự thi Cao học, Nội trú.
- Lệ phí thi: 400.000đ / 01 môn.

#### VII. THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI:

NGÀY	GIỜ CÓ MẶT	ĐỐI TƯỢNG	MÔN THI	ĐỊA ĐIỂM THI
14/8/2018 (Thứ ba)	14g30	- Cao học - BS. Nội trú - CK1, CK2	Nghe phổ biến qui chế thi	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, 86/2 Thành Thái, Q.10, TP.HCM
15/8/2018 (Thứ tư)	7g30	- Cao học - BS. Nội trú	Ngoại ngữ	
		- CK2		
	13g30	- CK1	Cơ sở	
		- Cao học		
		- BS. Nội trú	Bốc thăm Chọn 1 trong 4 môn: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y Sinh học di truyền	
16/8/18 (Thứ năm)	7g30	- BS. Nội trú	Toán Xác suất thống kê	
	13g30	- CK1, CK2 - Cao học	Chuyên ngành	
		- BS. Nội trú	Môn thi 4 (Khối nội thi Nội khoa, Khối ngoại thi Ngoại khoa)	
17/8/2018 (Thứ sáu)	7g30	- BS. Nội trú	Môn thi 5 (Khối nội thi Nhi khoa, Khối ngoại thi Sản phụ khoa)	
<b>Ghi chú: Thí sinh có mặt đúng giờ, mang theo phiếu báo thi và Chứng minh nhân dân trong suốt các buổi thi</b>				

# TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ

## 1. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng Thạc sĩ y học chuyên ngành đăng ký dự tuyển, hoặc có bằng Bác sĩ y đa khoa tốt nghiệp loại giỏi trở lên, có thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển 1 năm sau khi tốt nghiệp tính tới ngày nộp hồ sơ .
2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
3. Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:
  - Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;
  - Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
  - Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục 3) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Thí sinh trong khoản này phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

## 2. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:

Tập trung liên tục 03 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành đăng ký dự tuyển và 04 năm đối với thí sinh chưa có bằng thạc sĩ.

## 3. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Mỗi thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển phát hành tại Trường, các giấy tờ trong túi hồ sơ sắp xếp theo thứ tự sau:

1. **04 tấm ảnh màu 3x4 (ảnh chụp không quá 6 tháng)** và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, cấp đào tạo, chuyên ngành dự tuyển sau mỗi tấm ảnh.
2. Phiếu nộp hồ sơ dự tuyển (*theo mẫu*).
3. Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu*)
4. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển của cơ quan chủ quản (*theo mẫu*).
5. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan trực tiếp quản lý (*ghi rõ cấp đào tạo, chuyên ngành đăng ký dự tuyển*).
6. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương (*theo mẫu*).

7. Giấy chứng nhận sức khỏe (*của bệnh viện đa khoa hoặc phòng khám đa khoa*)
8. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan chủ quản.
9. Bản sao bằng tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa (*có công chứng*).
10. Bản sao bằng tốt nghiệp Thạc sĩ y học (*có công chứng*) và bảng điểm cao học *đối với thí sinh là thạc sĩ*.
11. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (*có công chứng*) theo quy định.
12. 06 (Sáu) bộ bản sao các bài báo cáo có liên quan đóng thành tập (gồm: trang bìa tập chí, mục lục và toàn văn bài báo)
13. 06 (Sáu) bản Đề cương nghiên cứu (*theo hướng dẫn trong hồ sơ dự tuyển*).
14. Ít nhất 01 **thư giới thiệu** của nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu **phải có** những nhận xét, đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu của người dự tuyển.
15. Bản sao biên lai đóng các khoản thu liên quan dự tuyển.

**Ghi chú:**

- Hồ sơ không đầy đủ sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt. Không chấp nhận bổ sung hồ sơ, văn bằng chứng chỉ, công trình công bố sau khi nộp hồ sơ.
- Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
- Hồ sơ và lệ phí xét tuyển không hoàn lại nếu thí sinh không tham dự xét tuyển hoặc không trúng tuyển.

**4. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ**

- Thời gian nhận hồ sơ và lệ phí thi tuyển: từ ngày có thông báo đến hết ngày 06/7/2018.
- Thời gian nhận giấy báo dự thi: từ ngày 07/8/2017 đến 09/8/2017.
- Địa điểm phát hành hồ sơ: Phòng Tài chính – Kế toán (tầng trệt - Khu A1) bắt đầu từ ngày 04/6/2018.
- Địa điểm nộp hồ sơ, nhận giấy báo dự thi: **Phòng Sau Đại Học (lầu 2 khu A1)**  
Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch, số 86/2 Thành Thái, P12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.  
**KHÔNG NHẬN HỒ SƠ vào các ngày 06/6, 07/6 và 08/6/2018.**

**5. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN**

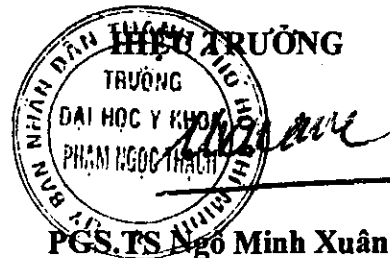
- Lệ phí tiếp nhận và xét tuyển: 1.000.000 đồng/ thí sinh.
- Lệ phí xét duyệt đề cương: 3.000.000 đồng/ thí sinh.

**6. PHƯƠNG THỨC, KẾ HOẠCH XÉT TUYỂN**

- Hình thức: Xét tuyển dựa vào hồ sơ và đề cương nghiên cứu khoa học.
- Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước Hội đồng chấm đề cương.
- Lịch đánh giá đề cương NCS: từ 20/08/2018 đến 31/08/2018 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế TP.HCM;
- Sở Y tế các tỉnh phía Nam;
- Các BV trực thuộc Sở Y tế TP.HCM;
- Các BV Quận, Huyện thuộc Sở Y tế TP.HCM;
- Lưu: VT, SDH, T.(300).



## PHỤ LỤC 1

# TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ (CAO HỌC, CHUYÊN KHOA II, BÁC SĨ NỘI TRÚ)

### NGOẠI NGỮ ANH

Khung năng lực ngoại ngữ VN (1)	IELTS (2)	TOEFL	TOEIC (3)	Cambridge Exam (4)	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP <sup>3</sup> 133 CBT <sup>3</sup> 45 iBT <sup>3</sup>	450	PET (140 – 159)	Preliminary	40	B1

*(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)*

(1) Được cấp chứng chỉ bởi các trung tâm ngoại ngữ áp dụng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (phụ lục 2).

(2) Được cấp bởi British Council

(3) Được cấp bởi ETS

(4) Được cấp bởi Cambridge Assessment

### MỘT SỐ NGOẠI NGỮ KHÁC

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TEKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

*phi*

## PHỤ LỤC 2

### **DANH SÁCH CÁC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ CẤP CHỨNG CHỈ ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**

1. Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Trường Đại học Hà Nội
3. Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế
4. Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng
5. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6. Trung tâm SEAMEO RETRAC
7. Trường Đại học Cần Thơ
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*mlr*



### PHỤ LỤC 3

## BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO THÍ SINH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chincse Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2

*plu*

